

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BỆNH VIỆN TNH
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 33



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BỆNH VIỆN TNH

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Bệnh viện TNH (gọi tắt là “Công ty” để trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Tuyên	Chủ tịch
Ông Lê Xuân Tân	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2025)
	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2025)
Ông Nguyễn Hữu Điệp	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2025)
Ông Romeo Fernandez Liedo	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2025)
Ông Christopher E. Freund	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2025)
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Thùy Giang	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Văn Thủy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2025)
Ông Trần Thiện Sách	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2025)
Ông Vũ Hồng Minh	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2025)
Ông Lý Thái Hải	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2025)
Ông Ngô Minh Trường	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Xuân Tân	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Minh Trường	Giám đốc tài chính (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2025)
	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2025)
Bà Lê Thị Thúy An	Giám đốc Vận hành Tập đoàn và Phát triển vận hành bệnh viện mới (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2025)
	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2025)
Ông Trần Thiện Sách	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2025)
Ông Đào Mạnh Duy	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2025)
Ông Nguyễn Hữu Điệp	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2025)
Ông Nguyễn Anh Đĩnh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 8 năm 2025)

Ủy Ban Kiểm toán

Bà Nguyễn Thị Thùy Giang	Chủ tịch ủy ban (Bổ nhiệm ngày 8 tháng 7 năm 2025)
Ông Romeo Fernandez Liedo	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 8 tháng 7 năm 2025)
Ông Christopher E. Freund	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 8 tháng 7 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Ông Vũ Vinh Quang	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2025)
Ông Nguyễn Văn Chuân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2025)
Ông Phạm Vĩnh Hưng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2025)

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Hoàng Tuyên
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

0111
ÔN
TN
ỀM
LO
ỆT
ĐA

Số: 0295 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi:

**Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bệnh viện TNH**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bệnh viện TNH (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2025, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited (“DTTL” hay “Deloitte Toàn cầu”), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, chứ không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte Châu Á Thái Bình Dương là một hãng thành viên của Deloitte Toàn cầu. Các thành viên và các đơn vị trực thuộc của Deloitte Châu Á Thái Bình Dương cung cấp dịch vụ cho khách hàng tại hơn 100 thành phố trong khu vực, bao gồm Auckland, Bangkok, Bắc Kinh, Bengaluru, Hà Nội, Hồng Kông, Jakarta, Kuala Lumpur, Manila, Melbourne, Mumbai, New Delhi, Osaka, Seoul, Thượng Hải, Singapore, Sydney, Đài Bắc và Tokyo. Tại các nước thành viên, các hoạt động kinh doanh được thực hiện độc lập bởi các pháp nhân riêng biệt.

Deloitte Việt Nam

Tại Việt Nam, dịch vụ chuyên ngành được cung cấp bởi từng pháp nhân riêng biệt, và chỉ nhánh của pháp nhân đó, được gọi chung là Deloitte Việt Nam.

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin chung, do vậy, không một hãng DTTL, hay bất kỳ một hãng thành viên hay công ty con và các nhân viên của họ được xem là, trong phạm vi nội dung của tài liệu này, cung cấp dịch vụ hay đưa ra những ý kiến, tư vấn về chuyên môn cho người đọc. Trước khi đưa ra bất kỳ một quyết định hay hành động nào có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính hoặc hoạt động kinh doanh, người đọc nên tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn.

Không có tuyên bố, bảo đảm hoặc cam kết nào (rõ ràng hay ngụ ý) được đưa ra về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của thông tin trong tài liệu này, và không một hãng thành viên nào thuộc Mạng lưới các công ty Deloitte chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại, tổn thất xảy ra trực tiếp hay gián tiếp do kết quả của việc người đọc sử dụng, công bố, phát tán ra bên ngoài hoặc dựa vào tài liệu này để hành động, không hành động hoặc ra bất kỳ quyết định nào.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Hoàng Lan Hương

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0898-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		346.223.758.559	298.040.505.730
I. Tiền	110	4	42.422.764.799	55.633.228.742
1. Tiền	111		42.422.764.799	55.633.228.742
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		281.394.909.468	220.548.762.758
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	29.592.341.779	14.236.052.402
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	246.903.950.676	204.225.246.356
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		4.898.617.013	2.087.464.000
III. Hàng tồn kho	140	7	14.485.977.764	13.891.695.152
1. Hàng tồn kho	141		14.485.977.764	13.891.695.152
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.920.106.528	7.966.819.078
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	4.720.748.184	3.918.267.738
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	9	3.199.358.344	4.048.551.340
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.388.935.199.272	2.246.046.294.394
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		96.000.000.000	96.000.000.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	6	96.000.000.000	96.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.780.776.508.218	1.759.990.742.497
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.663.138.991.250	1.681.423.063.063
- Nguyên giá	222		1.884.242.765.554	1.869.421.901.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(221.103.774.304)	(187.998.838.501)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	117.637.516.968	78.567.679.434
- Nguyên giá	228		128.973.575.182	88.379.263.627
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.336.058.214)	(9.811.584.193)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		404.332.049.181	288.185.911.637
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	404.332.049.181	288.185.911.637
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		20.000.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	20.000.000.000	20.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		87.826.641.873	81.869.640.260
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	87.826.641.873	81.869.640.260
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.735.158.957.831	2.544.086.800.124

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		940.724.957.887	695.088.383.126
I. Nợ ngắn hạn	310		198.167.671.005	161.939.089.136
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	26.099.810.660	24.110.391.270
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.562.565.556	1.095.770.590
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	1.436.822.131	1.517.305.223
4. Phải trả người lao động	314		14.990.464.037	12.291.762.351
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.952.965.321	1.934.346.036
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.602.507.161	260.837.886
7. Vay ngắn hạn	320	15	150.522.536.139	120.728.675.780
II. Nợ dài hạn	330		742.557.286.882	533.149.293.990
1. Vay dài hạn	338	16	742.557.286.882	533.149.293.990
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.794.433.999.944	1.848.998.416.998
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	1.794.433.999.944	1.848.998.416.998
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.441.812.700.000	1.441.812.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.441.812.700.000	1.441.812.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		258.857.990.000	258.857.990.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(480.000.000)	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.307.159.597	100.298.712.110
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		100.298.712.110	55.017.405.202
- (Lỗ) kỳ này/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		(53.991.552.513)	45.281.306.908
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		47.936.150.347	48.029.014.888
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.735.158.957.831	2.544.086.800.124

Lưu Thị Hải Yến
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Lê Xuân Tân
Tổng Giám đốc



Hoàng Tuyên
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	216.254.270.924	222.487.017.373
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		216.254.270.924	222.487.017.373
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	211.617.724.901	141.784.499.715
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.636.546.023	80.702.517.658
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		693.179.066	39.207.679
6. Chi phí tài chính	22	22	21.505.592.750	7.500.050.662
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.505.592.750	7.500.050.662
7. Chi phí bán hàng	25	23	2.865.822.758	1.074.488.835
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	34.076.412.656	13.827.054.816
9. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		(53.118.103.075)	58.340.131.024
10. Thu nhập khác	31		358.617.024	664.429.225
11. Chi phí khác	32		677.955.259	958.482.893
12. Lỗ khác (40=31-32)	40		(319.338.235)	(294.053.668)
13. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(53.437.441.310)	58.046.077.356
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	646.975.744	4.637.192.485
15. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(54.084.417.054)	53.408.884.871
Trong đó:				
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(53.991.552.513)	53.549.139.634
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(92.864.541)	(140.254.763)
17. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	(375)	486

Lưu Thị Hải Yến
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

Lê Xuân Tân
Tổng Giám đốc



Hoàng Tuyên
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(53.437.441.310)	58.046.077.356
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	35.337.834.712	20.768.444.775
Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	497.695.112	902.624.137
Chi phí lãi vay	06	21.505.592.750	7.500.050.662
3. (Lỗ)/Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.903.681.264	87.217.196.930
Thay đổi các khoản phải thu	09	(54.336.665.046)	(117.199.292.049)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(594.282.612)	3.226.526.428
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.032.816.338	1.122.824.939
Thay đổi chi phí trả trước	12	(6.759.482.059)	(37.722.813.055)
Tiền lãi vay đã trả	14	(21.464.239.981)	(7.623.649.468)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(5.258.593.938)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(73.218.172.096)	(76.237.800.213)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(178.734.145.098)	(247.095.011.854)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	20.000.000	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(71.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(178.714.145.098)	(318.595.011.854)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp Theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(480.000.000)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	366.798.166.594	327.595.683.016
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(127.596.313.343)	(112.552.349.574)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	238.721.853.251	215.043.333.442
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(13.210.463.943)	(179.789.478.625)
Tiền đầu kỳ	60	55.633.228.742	201.288.885.358
Tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	42.422.764.799	21.499.406.733


Lưu Thị Hải Yến
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng


Lê Xuân Tân
Tổng Giám đốc


Hoàng Tuyên
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bệnh viện TNH (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4601039023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19 tháng 3 năm 2012. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là lần thứ 15 ngày 29 tháng 7 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Thái Nguyên cấp, vốn điều lệ của Công ty là 1.441.812.700.000 VND, tương ứng với 144.181.270 cổ phần. Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là TNH.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 890 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 796 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế;
- Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa;
- Hoạt động y tế dự phòng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Đào tạo đại học;
- Đào tạo cao đẳng; và
- Đào tạo trung cấp.

Hoạt động chính của Công ty là khám, chữa bệnh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại: số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên (trước đây là phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) và văn phòng đại diện tại tầng 16 tòa nhà Việt Tower, số 1 Thái Hà, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội (trước đây là phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các đơn vị phụ thuộc của Công ty bao gồm:

STT	Tên đơn vị phụ thuộc	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
1	Chi nhánh Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên	Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Khám, chữa bệnh
2	Chi nhánh Bệnh viện TNH Phố Yên (trước đây là Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên)	Tổ dân phố Chùa, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Khám, chữa bệnh
3	Chi nhánh Bệnh viện TNH Việt Yên	Lô đất YT, đường Nguyễn Thế Nho, KDC Nguyễn Thế Nho, phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Khám, chữa bệnh

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 02 công ty con như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
		%	%	
Công ty Cổ phần Bệnh viện TNH Lạng Sơn (i)	Tỉnh Lạng Sơn	84,5	84,5	Khám, chữa bệnh
Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế TNH (ii)	Tỉnh Thái Nguyên	100,00	100,00	Bán lẻ thuốc và dụng cụ y tế

- (i) Như trình bày tại thuyết minh số 16 và số 27, Công ty thế chấp 27.462.500 cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Bệnh viện TNH Lạng Sơn ("TNH Lạng Sơn") - công ty con của Công ty, tương ứng 274.625.000.000 VND để bảo lãnh cho nghĩa vụ thanh toán, trả nợ của TNH Lạng Sơn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên.
- (ii) Theo Nghị quyết số 408/2025/NQ-TNH ngày 21 tháng 5 năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc thành lập công ty con là Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế TNH với vốn điều lệ 6.800.000.000 VND và tỷ lệ sở hữu 100,00%. Ngày 09 tháng 6 năm 2025, Công ty đã chuyển toàn bộ tiền góp vốn và hoàn thành các thủ tục đăng ký kinh doanh thành lập công ty con. Theo đó, Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế TNH trở thành công ty con của Công ty từ ngày này.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là nhất quán.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 48
Máy móc và thiết bị	06 - 15
Thiết bị văn phòng	08 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 15
Tài sản cố định khác	10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Thuê tài sản

Tất cả các khoản thuê được xem là thuê hoạt động. Các khoản thuê hoạt động bao gồm thuê đất và tài sản gắn liền với đất.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại khu dân cư Nguyễn Thế Nho, phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh và tại Khối 10, phường Tam Thanh, tỉnh Lạng Sơn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ phù hợp với thời gian sử dụng lô đất trong vòng 50 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 8 đến 20 năm.



Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí bảo dưỡng và sửa chữa tài sản cố định, chi phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa tài sản cố định thể hiện chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tối đa không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm thể hiện các chi phí bảo hiểm thanh toán một lần khi ký hợp đồng và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng theo kỳ hạn bảo hiểm của từng hợp đồng.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2025, Công ty và Công ty Cổ phần Bệnh viện TNH Lạng Sơn - công ty con của Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động kinh doanh được cấp phép theo Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án xây dựng Bệnh viện TNH Phổ Yên, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Công ty được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2019) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo. Năm 2025 là năm thứ 03 Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp. Trong kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, Bệnh viện kinh doanh lỗ và không phát sinh thu nhập tính thuế.

Đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động kinh doanh được cấp phép theo Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án xây dựng Bệnh viện TNH Việt Yên, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Công ty được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2024) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo. Trong kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, Bệnh viện kinh doanh lỗ và không phát sinh thu nhập tính thuế.

Đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động kinh doanh được cấp phép theo Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án xây dựng Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính. Đối với các dự án khác, Công ty chưa phát sinh thu nhập chịu thuế.

Thu nhập chịu thuế từ các hoạt động khác chịu mức thuế suất hiện hành là 20%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	1.225.965.906	616.892.925
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.196.798.893	55.016.335.817
	42.422.764.799	55.633.228.742

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Bảo hiểm Xã hội Tỉnh Thái Nguyên	22.104.167.687	12.835.635.920
Bảo hiểm Xã hội Cơ sở Việt Yên (trước đây là Bảo hiểm Xã hội Thị xã Việt Yên)	5.129.144.214	-
Các đối tượng khác	2.359.029.878	1.400.416.482
	29.592.341.779	14.236.052.402

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Đức Dũng	144.348.879.826	149.348.879.826
Công ty TNHH Anh Yến Hà Nội	21.712.883.234	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng HN72	20.000.000.000	-
Công ty TNHH Tập đoàn Chăm sóc sức khỏe SENIX (i)	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng cơ điện Hồng Hà	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị Y tế Á Châu	-	24.644.683.000
Các đối tượng khác	52.842.187.616	26.231.683.530
	246.903.950.676	204.225.246.356
b. Dài hạn		
Công ty TNHH Tập đoàn Chăm sóc sức khỏe SENIX (i)	96.000.000.000	96.000.000.000
	96.000.000.000	96.000.000.000

- (i) Thể hiện số tiền ứng trước cho Công ty TNHH Tập đoàn Chăm sóc sức khỏe SENIX liên quan đến Hợp đồng thuê tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại lô đất thuộc xã Phượng Tiến, tỉnh Thái Nguyên (trước đây là phường Tân Thịnh, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) và các phụ lục kèm theo, với thời gian 30 năm và thời gian cho thuê bắt đầu từ tháng 7 năm 2025.

7. HÀNG TỒN KHO

		Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.852.362.899	-	13.475.292.027	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	633.614.865	-	416.403.125	-
	14.485.977.764	-	13.891.695.152	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Phân bổ trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
a. Ngắn hạn				
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.975.664.763	4.040.441.161	3.678.726.791	3.338.415.466
Chi phí bảo hiểm	402.141.237	592.447.137	536.941.514	457.646.860
Các khoản khác	540.461.738	1.555.332.901	1.170.072.447	924.685.857
	3.918.267.738	6.188.221.199	5.385.740.751	4.720.748.184
b. Dài hạn				
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa	47.034.262.872	10.194.566.498	10.394.080.739	46.834.748.632
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	34.363.041.912	11.291.958.454	8.051.456.485	37.603.543.881
Các khoản khác	472.335.476	3.014.521.515	98.507.631	3.388.349.360
	81.869.640.260	24.501.046.467	18.544.044.854	87.826.641.873

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 và 16, Công ty đã thế chấp các công cụ, dụng cụ với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 830.887.609 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 701.641.594 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại các ngân hàng thương mại.

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp/ bù trừ trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	304.502.044	270.555.576	56.539.524	90.485.992
Thuế thu nhập doanh nghiệp	626.882.416	646.975.744	-	(20.093.328)
Tiền thuế đất	3.117.166.880	-	-	3.117.166.880
Thuế tài nguyên	-	-	11.798.800	11.798.800
	4.048.551.340	917.531.320	68.338.324	3.199.358.344
b. Các khoản phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	1.517.305.223	6.254.386.891	6.334.869.983	1.436.822.131
Các loại thuế, phí và lệ phí khác	-	31.138.218	31.138.218	-
	1.517.305.223	6.285.525.109	6.366.008.201	1.436.822.131

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	1.510.571.490.007	319.332.885.666	1.801.180.980	36.854.261.911	862.083.000	1.869.421.901.564
Tăng trong kỳ	5.290.961.095	10.454.622.895	301.400.000	-	-	16.046.983.990
Giảm do thanh lý	-	(1.226.120.000)	-	-	-	(1.226.120.000)
Số dư cuối kỳ	1.515.862.451.102	328.561.388.561	2.102.580.980	36.854.261.911	862.083.000	1.884.242.765.554
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	117.961.043.767	64.272.108.007	132.703.774	5.617.210.903	15.772.050	187.998.838.501
Khấu hao trong kỳ	20.967.476.811	11.356.936.468	92.980.095	1.348.651.167	47.316.150	33.813.360.691
Giảm do thanh lý	-	(708.424.888)	-	-	-	(708.424.888)
Số dư cuối kỳ	138.928.520.578	74.920.619.587	225.683.869	6.965.862.070	63.088.200	221.103.774.304
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	1.392.610.446.240	255.060.777.659	1.668.477.206	31.237.051.008	846.310.950	1.681.423.063.063
Tại ngày cuối kỳ	1.376.933.930.524	253.640.768.974	1.876.897.111	29.888.399.841	798.994.800	1.663.138.991.250

Nguyên giá của các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 với giá trị 4.180.690.217 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.525.327.017 VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, một số tài sản cố định hữu hình của Công ty sử dụng để thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (chi tiết tại Thuyết minh số 15 và 16) với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 1.111.307.212.882 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.162.715.017.277VND)

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	70.324.395.902	18.054.867.725	88.379.263.627
Tăng trong kỳ	-	40.594.311.555	40.594.311.555
Số dư cuối kỳ	70.324.395.902	58.649.179.280	128.973.575.182
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	2.639.624.579	7.171.959.614	9.811.584.193
Khấu hao trong kỳ	690.298.000	834.176.021	1.524.474.021
Số dư cuối kỳ	3.329.922.579	8.006.135.635	11.336.058.214
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	67.684.771.323	10.882.908.111	78.567.679.434
Tại ngày cuối kỳ	66.994.473.323	50.643.043.645	117.637.516.968

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 300.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 300.000.000 VND).

Như trình bày tại thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 67.293.812.496 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 68.084.110.496 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Dự án đầu tư xây dựng bệnh viện TNH Lạng Sơn (i)	332.083.543.456	247.578.584.716
Dự án đầu tư xây dựng bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn 3	62.248.505.725	40.607.326.921
Dự án Đầu tư Xây dựng Bệnh viện Ung Bướu Đà Nẵng	10.000.000.000	-
	404.332.049.181	288.185.911.637

- (i) Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện TNH Lạng Sơn với quy mô 300 giường bệnh và tổng diện tích sàn khoảng 17.000 – 18.000 m2 tại Khối 10, phường Tam Thanh, tỉnh Lạng Sơn.

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp các tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai từ án đầu tư xây dựng bệnh viện TNH Lạng Sơn và tài sản hình thành từ Dự án đầu tư xây dựng bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn 3 với tổng giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 393.241.515.179 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 288.185.911.637 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại các ngân hàng thương mại.

Trong kỳ, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 7.174.094.635 VND (kỳ trước: 9.024.843.476 VND).

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện TNH Hà Nội	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
	<u>20.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>20.000.000.000</u>	<u>-</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ hoạt động do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Công nghệ Sức khỏe Taurus	7.204.106.186	3.763.532.407
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Đông Nam	1.405.054.566	-
Công ty TNHH GE Việt Nam	186.010.000	2.980.312.500
Các đối tượng khác	17.304.639.908	17.366.546.363
	<u>26.099.810.660</u>	<u>24.110.391.270</u>

15. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ
	VND		VND		VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	98.614.495.420	130.665.432.683	114.367.619.640		114.912.308.463
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	77.008.208.601	124.641.726.564	92.761.332.821		108.888.602.344
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Nguyên (ii)	21.606.286.819	6.023.706.119	21.606.286.819		6.023.706.119
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 16)	22.114.180.360	26.724.741.019	13.228.693.703		35.610.227.676
	<u>120.728.675.780</u>	<u>157.390.173.702</u>	<u>127.596.313.343</u>		<u>150.522.536.139</u>

(i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 01/2024/5745705/HĐTD ngày 15 tháng 8 năm 2024 với hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 VND, lãi suất khoản vay được xác định theo từng lần giải ngân với lãi suất vay trong 6 tháng đầu năm 2025 dao động từ 6%/năm đến 7,2%/năm. Mục đích khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 15 tháng 8 năm 2025. Thời hạn cho vay được xác định theo từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng. Khoản vay được đảm bảo bởi tài sản thế chấp là máy móc, thiết bị, nhà xưởng và vật kiến trúc và công cụ dụng cụ như trình bày tại Thuyết minh số 08 và Thuyết minh số 10.

(ii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 257709.24.090.1699479.TD ngày 10 tháng 12 năm 2024 với hạn mức tín dụng 120.000.000.000 VND, lãi suất khoản vay được xác định theo từng lần giải ngân. Mục đích khoản vay dùng để phục vụ hoạt động kinh doanh y tế, bao gồm cho vay tái tài trợ khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần

Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 28 tháng 10 năm 2025. Thời hạn cho vay được xác định tối đa 06 tháng/kế ước, chi tiết thời hạn cho vay theo từng lần giải ngân và nhận nợ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, khoản vay chịu lãi suất là 6,5%/năm (tại 31 tháng 12 năm 2024: 6,5%/năm). Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết giá trị còn lại của các tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Thế chấp cho khoản vay của Công ty		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	422.689.829.231	463.948.972.310
Thế chấp cho khoản vay của bên liên quan		
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Nguyên	-	226.824.783.140
	422.689.829.231	690.773.755.450
Trong đó:		
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 10)	422.689.829.231	690.773.755.450

16. VAY DÀI HẠN

	Số đầu kỳ VND		Trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	523.308.316.428	201.727.751.996	9.595.693.703	715.440.374.721
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (ii)	23.081.957.922	33.408.963.915	750.000.000	55.740.921.837
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (iii)	8.873.200.000	996.018.000	2.883.000.000	6.986.218.000
	555.263.474.350	236.132.733.911	13.228.693.703	778.167.514.558
Trong đó:				
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	22.114.180.360			35.610.227.676
- Số phải trả sau 12 tháng	533.149.293.990			742.557.286.882

(i) Vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên bao gồm:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 99608.22.090.1699479.TD ngày 07 tháng 02 năm 2023 với hạn mức tín dụng là 480.000.000.000 VND, thời hạn vay 10 năm tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên cho vay giải ngân vốn vay đầu tiên. Lãi suất vay theo từng lần giải ngân, nhận nợ và thỏa thuận chung. Mục đích khoản vay dùng để đầu tư xây dựng và mua sắm máy móc thiết bị y tế để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Bệnh viện TNH Việt Yên, Bắc Ninh tại khu đất Y tế thuộc tại khu dân cư Nguyễn Thế Nho, phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, lãi suất vay áp dụng từ 7%/năm đến 9,8%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại khu dân cư Nguyễn Thế Nho, phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh như trình bày ở Thuyết minh số 10 và 11.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 195039.24.090.32782217.TD ngày 02 tháng 5 năm 2024 với hạn mức tín dụng là 450.000.000.000 VND, thời hạn vay 10 năm tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên cho vay giải ngân vốn vay đầu tiên. Lãi suất vay theo từng lần giải ngân, nhận nợ và thỏa thuận chung. Mục đích khoản vay dùng để tài trợ đầu tư xây dựng Dự án Đầu tư xây dựng Bệnh viện TNH Lạng Sơn tại Khối 10, phường Tam Thanh, tỉnh Lạng Sơn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, lãi suất áp dụng là 11,12%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại Khối

10, phường Tam Thanh, tỉnh Lạng Sơn như trình bày ở Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 12. Công ty cũng thế chấp 27.462.500 cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Bệnh viện TNH Lạng Sơn (“TNH Lạng Sơn”) - công ty con của Công ty, tương ứng 274.625.000.000 VND để bảo lãnh cho nghĩa vụ thanh toán, trả nợ của TNH Lạng Sơn cho khoản vay này như trình bày tại Thuyết minh số 01 và Thuyết minh số 27.

- (ii) Vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên bao gồm:
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2023/5745705/HĐTD ngày 28 tháng 8 năm 2023 với hạn mức tín dụng là 5.500.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay trong 12 tháng đầu tiên là 8%/năm, lãi suất vay thời gian còn lại được thả nổi theo công thức quy định trong hợp đồng vay. Mục đích khoản vay dùng để đầu tư Dự án Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái để sản xuất điện năng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc, thiết bị là Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái để sản xuất điện năng như trình bày tại Thuyết minh số 10.
 - Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 03/2024/5745705/HĐTD ngày 02 tháng 7 năm 2024 với hạn mức tín dụng là 8.400.000.000 VND, thời hạn cho vay 60 tháng, lãi suất cho vay trong 12 tháng đầu tiên là 7%/năm, lãi suất vay thời gian còn lại được áp dụng heo phương thức thả nổi, điều chỉnh 02 lần vào ngày 01/01 và 01/07 với margin tối thiểu 3%/năm. Khoản vay dùng để đầu tư Dự án Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái để sản xuất điện năng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái để sản xuất điện năng như trình bày tại Thuyết minh số 10.
 - Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 04/2025/5745705/HĐTD ngày 04 tháng 11 năm 2024 với tổng số tiền là 90.000.000.000 VND nhưng không vượt quá 76,9% tổng mức đầu tư thực tế của dự án, thời hạn cho vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay trong 12 tháng là 6,5%/năm sau đó thả nổi theo quy định của ngân hàng. Khoản vay được dùng để tài trợ các chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ để thực hiện dự án đầu tư sửa chữa, cải tạo nâng cấp Công trình nhà 9 tầng Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Công trình nhà 9 tầng Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (Dự án đầu tư xây dựng bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn 3) như trình bày ở Thuyết minh số 12.
- (iii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên bao gồm:
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 171/21/HĐTD/TN ngày 10 tháng 6 năm 2021 và Hợp đồng sửa đổi ngày 20 tháng 9 năm 2021 với hạn mức tín dụng là 19.634.000.000 VND theo phương thức cho vay từng lần. Mục đích sử dụng khoản vay, lãi suất và thời hạn cho vay được quy định cụ thể trong các hợp đồng cho vay từng lần, trong đó lãi suất vay 6 tháng đầu năm 2025 dao động từ 6,6%/năm đến 8,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là máy móc, thiết bị và công cụ, dụng cụ của Công ty theo hợp đồng thế chấp số 188/21/HĐTC/TN như trình bày tại Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 11.
 - Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 461.TDH/24/HĐTD/TN ngày 29 tháng 12 năm 2024 với hạn mức tín dụng là 1.000.000.000 VND theo phương thức cho vay từng lần. Mục đích sử dụng khoản vay, lãi suất và thời hạn cho vay được quy định cụ thể trong hợp đồng vay từng lần, trong đó lãi suất vay 6 tháng đầu năm năm 2025 là 6,1%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là máy móc, thiết bị và phần mềm của Công ty theo các hợp đồng 176/21/HĐTC/TN ký ngày 10/06/2021, 188/21/HĐTC/TN ký ngày 22/06/2021, 302/21/HĐTC/TN ký ngày 01/09/2021, 623/24/HĐTC/TN ký ngày 29/12/2024 như trình bày Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 11.

Chi tiết giá trị còn lại của các tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên	1.047.492.186.364	974.083.596.879
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	79.644.212.871	59.758.199.594
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	22.496.513.501	21.895.912.222
	1.149.632.912.736	1.055.737.708.695
Trong đó:		
Chi phí trả trước (Thuyết minh số 08)	480.201.411	701.641.594
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 10)	688.617.383.650	698.766.044.967
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh số 11)	67.293.812.496	68.084.110.496
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh số 12)	393.241.515.179	288.185.911.637

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	35.610.227.676	22.114.180.360
Trong năm thứ hai	53.583.803.429	32.692.596.798
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	360.165.078.121	179.032.298.054
Sau năm năm	328.808.405.332	321.424.399.138
	778.167.514.558	555.263.474.350
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(35.610.227.676)	(22.114.180.360)
Số phải trả sau 12 tháng	742.557.286.882	533.149.293.990

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BỆNH VIỆN TNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	VND	Thặng dư vốn cổ phần	VND	Cổ phiếu quỹ	VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	VND	Tổng cộng	VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024												
Số dư đầu kỳ	958.746.100.000		258.967.990.000		(700.000.000)		389.948.725.844		116.566.002.674		1.723.418.818.518	
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	143.699.700.000		-		-		(143.699.700.000)		-		-	
Giảm từ thay đổi tỷ lệ sở hữu ở Công ty con	-		-		-		(3.184.720.642)		(68.315.279.358)		(71.500.000.000)	
Lợi nhuận trong kỳ	-		-		-		53.549.139.634		(140.254.763)		53.408.884.871	
Số dư cuối kỳ này	1.102.445.800.000		258.967.990.000		(700.000.000)		296.473.190.073		48.110.468.553		1.705.327.703.389	
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025												
Số dư đầu kỳ này	1.441.812.700.000		258.857.990.000		-		100.298.712.110		48.029.014.888		1.848.998.416.998	
Mua lại cổ phiếu quỹ (i)	-		-		(480.000.000)		-		-		(480.000.000)	
(Lỗ) trong kỳ	-		-		-		(53.991.552.513)		(92.864.541)		(54.084.417.054)	
Số dư cuối kỳ này	1.441.812.700.000		258.857.990.000		(480.000.000)		46.307.159.597		47.936.150.347		1.794.433.999.944	

(i) Theo Nghị quyết số 149/2025/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Nghị quyết số 239/2025/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua phương án mua lại cổ phiếu ESOP của người lao động nghỉ việc theo Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2022 làm cổ phiếu quỹ. Số lượng cổ phiếu đăng ký mua lại lần lượt là 42.000 và 6.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, tương ứng với tổng số tiền là 480.000.000 VND.



Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	144.181.270	144.181.270
Cổ phiếu phổ thông	144.181.270	144.181.270
Số lượng cổ phiếu quỹ	(48.000)	-
Cổ phiếu phổ thông	(48.000)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	144.133.270	144.181.270
Cổ phiếu phổ thông	144.133.270	144.181.270

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu phổ thông bị hạn chế chuyển nhượng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 1.231.000 cổ phiếu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.822.500 cổ phiếu).

Vốn điều lệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tình hình góp vốn của các cổ đông như sau:

Vốn đã góp				
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Blooming Earth Pte. Ltd	198.100.810.000	13,74	130.867.810.000	9,08
Kwe Beteiligungen AG	151.566.510.000	10,51	151.566.510.000	10,51
Access S.A., SICAV-SIF - ASIA TOP PICKS	145.623.000.000	10,10	99.878.300.000	6,93
Ông Hoàng Tuyên	96.187.820.000	6,67	96.187.820.000	6,67
Ông Nguyễn Văn Thủy	34.191.960.000	2,37	34.191.960.000	2,37
Các cổ đông khác	816.142.600.000	56,59	929.120.300.000	64,44
	1.441.812.700.000	99,97	1.441.812.700.000	100,00
Cổ phiếu quỹ	480.000.000	0,03	-	-
Tổng cộng	1.442.292.700.000	100,00	1.441.812.700.000	100,00

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ, hoạt động chủ yếu của Công ty là khám chữa bệnh và các dịch vụ liên quan. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn hàng bán dịch vụ cung cấp tại Thuyết minh số 19 và Thuyết minh số 20.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có hoạt động kinh tại 5 cơ sở kinh doanh bao gồm: 4 chi nhánh bệnh viện của Công ty và Công ty Cổ phần TNH Lạng Sơn – Công ty con của Công ty và 1 chi nhánh kinh doanh dược phẩm và thiết bị y tế (như trình bày tại thuyết minh số 1).

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2025:

	Bệnh viện Quốc tế Thái nguyên		Bệnh viện TNH Phố Yên		Bệnh viện TNH Việt Yên		Bệnh viện TNH Lạng Sơn		Cơ sở kinh doanh khác		Tổng VND
	VND		VND		VND		VND		VND		
Tài sản bộ phận	895.741.212.009		372.194.138.525		773.244.812.193		557.178.799.019		6.799.996.085		2.605.158.957.831
Tài sản không phân bổ											130.000.000.000
Tổng Tài sản											2.735.158.957.831
Nợ phải trả											
Nợ phải trả bộ phận	679.868.510.564		9.281.960.835		5.645.167.739		245.929.318.749				940.724.957.887
Tổng Nợ phải trả											940.724.957.887

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2024:

	Bệnh viện Quốc tế Thái nguyên		Bệnh viện TNH Phố Yên		Bệnh viện TNH Việt Yên		Cổ phần Bệnh viện TNH Lạng Sơn		Cơ sở kinh doanh khác		Tổng VND
	VND		VND		VND		VND		VND		
Tài sản											
Tài sản bộ phận	839.137.758.481		358.071.532.641		762.610.269.521		464.267.239.481		-		2.424.086.800.124
Tài sản không phân bổ											120.000.000.000
Tổng Tài sản											2.544.086.800.124
Nợ phải trả											
Nợ phải trả bộ phận	530.603.375.955		7.572.728.245		4.493.645.784		152.418.633.142		-		695.088.383.126
Tổng Nợ phải trả											695.088.383.126

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025:

	Bệnh viện Quốc tế Thái nguyên	Bệnh viện TNH Phổ Yên	Bệnh viện TNH Việt Yên	Cổ phần Bệnh viện TNH Lạng Sơn	Cơ sở kinh doanh khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	145.772.699.832	50.199.655.319	20.281.915.773	-	-	216.254.270.924
Giá vốn cung cấp dịch vụ	115.338.140.885	49.918.838.535	46.360.745.482	-	-	211.617.724.901
Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận	30.434.558.948	280.816.784	(26.078.829.709)	-	-	4.636.546.023
Chi phí hoạt động kinh doanh						(36.942.235.414)
Doanh thu/ (Chi phí) tài chính						(20.812.413.684)
Thu nhập/ (Chi phí) khác						(319.338.235)
Lỗ kế toán trước thuế						(53.437.441.310)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						(646.975.744)
Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp						(54.084.417.054)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:

	Bệnh viện Quốc tế Thái nguyên	Bệnh viện TNH Phổ Yên	Bệnh viện TNH Việt Yên	Bệnh viện TNH Lạng Sơn	Cơ sở kinh doanh khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	165.129.249.448	57.357.767.925	-	-	-	222.487.017.373
Chi phí hoạt động kinh doanh	99.794.765.386	41.989.734.329	-	-	-	141.784.499.715
Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận	65.334.484.063	15.368.033.595	-	-	-	80.702.517.658
(Chi phí) hoạt động kinh doanh						(14.901.543.651)
Doanh thu/ (Chi phí) tài chính						(7.460.842.983)
Thu nhập/ (Chi phí) khác						(294.053.668)
Lợi nhuận kế toán trước thuế						58.046.077.356
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						(4.637.192.485)
Lợi nhuận thuế thu nhập doanh nghiệp						53.408.884.871



19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu dịch vụ khám chữa bệnh	214.833.869.851	220.979.744.641
Doanh thu dịch vụ khác	1.420.401.073	1.507.272.732
	216.254.270.924	222.487.017.373

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn dịch vụ khám chữa bệnh	210.936.553.725	141.476.172.555
Giá vốn dịch vụ khác	681.171.176	308.327.160
	211.617.724.901	141.784.499.715

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.536.252.616	43.852.794.219
Chi phí nhân viên	106.390.832.703	64.749.510.916
Chi phí khấu hao tài sản cố định	35.358.252.009	20.768.444.775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.658.715.375	25.597.838.740
Chi phí khác bằng tiền	1.833.119.352	1.900.801.077
	248.777.172.055	156.869.389.727

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	21.505.592.750	7.500.050.662
	21.505.592.750	7.500.050.662
Trong đó: Chi phí tài chính với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 26)	-	2.568.618.554

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	21.404.154.968	9.762.662.834
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.632.235.684	500.623.545
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.665.241.506	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.638.884.276	1.851.216.870
Chi bằng khác bằng tiền	1.735.896.222	1.712.551.567
	34.076.412.656	13.827.054.816

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	646.975.744	4.637.192.485
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	646.975.744	4.637.192.485

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, cụ thể như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ (VND)	(53.991.552.513)	53.549.139.634
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	144.133.270	110.244.580
(Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(375)	486

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư trong kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Hoàng Tuyên	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Văn Thủy	Thành viên Hội đồng Quản trị (đến ngày 16 tháng 6 năm 2025)
Ông Lê Xuân Tân	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Đôn	Thành viên mật thiết trong gia đình của Phó Tổng Giám đốc
Bà Cao Thị Hồng	Giám đốc Marketing và truyền thông (đến 04 tháng 5 năm 2024)/ Thành viên mật thiết trong gia đình của thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Hữu Điệp	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ ngày 16 tháng 6 năm 2025) kiêm Phó Tổng Giám đốc
Công ty KWE BETEILIGUNGEN AG	Cổ đông lớn
Quỹ đầu tư ACCESS S.A., SICAV-SIF	Cổ đông lớn
- ASIA TOP PICKS	
Prospect Innovation and Consulting services Inc.	Bên liên quan của Thành viên Hội đồng Quản trị
Bên liên quan khác	Thành viên mật thiết trong gia đình của thành viên Hội đồng Quản trị /Ban Tổng Giám đốc

ĐÃ
CÓ
T
TIỀN
EL
I
E

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua dịch vụ		
Prospect Innovation and Consulting services Inc	1.548.600.000	-
	1.548.600.000	-
Chi phí lãi vay		
Ông Hoàng Tuyên	-	994.285.946
Ông Nguyễn Văn Thủy	-	976.979.456
Ông Lê Xuân Tân	-	318.216.165
Ông Nguyễn Xuân Đôn	-	279.136.987
	-	2.568.618.554
Góp vốn		
Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị y tế TNH	6.800.000.000	-
	6.800.000.000	-
Chi cổ tức bằng cổ phiếu		
Kwe Beteiligungen AG	-	15.106.600.000
Blooming Earth Pte. Ltd	-	13.500.000.000
Access S.A., SICAV-SIF - ASIA TOP PICKS	-	7.973.100.000
Ông Hoàng Tuyên	-	7.020.000.000
Ông Nguyễn Văn Thủy	-	5.559.630.000
Ông Lê Xuân Tân	-	4.553.250.000
Bên liên quan khác	-	5.718.330.000
	-	59.430.910.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Ông Nguyễn Hữu Điệp	4.000.000.000	2.000.000.000
	4.000.000.000	2.000.000.000

Tổng thu nhập Ban Tổng Giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Hoàng Tuyên	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1.431.100.000	573.936.362
Ông Lê Xuân Tân	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị (đến ngày 16 tháng 6 năm 2025) kiêm Tổng Giám đốc	1.247.100.000	526.055.681
Ông Trần Thiện Sách	Thành viên Hội đồng Quản trị (đến ngày 16 tháng 6 năm 2025) kiêm Phó Tổng Giám đốc	707.600.000	348.532.308
Ông Ngô Minh Trường	Thành viên Hội đồng Quản trị (đến ngày 16 tháng 6 năm 2025) kiêm Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 25 tháng 8 năm 2025)	629.900.000	-
Ông Nguyễn Văn Thủy	Thành viên Hội đồng Quản trị (đến ngày 16 tháng 6 năm 2025)	419.736.364	359.263.000
Ông Vũ Hồng Minh	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị (đến ngày 16 tháng 6 năm 2025)	96.000.000	96.000.000

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lý Thái Hải	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị (đến ngày 16 tháng 6 năm 2025)	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Xuân Đôn	Thành viên Hội đồng Quản trị (đến ngày ngày 28 tháng 6 năm 2024)	48.000.000	96.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Giang	Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị	48.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc			
Bà Lê Thị Thúy An	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành (đến ngày 25 tháng 8 năm 2025)	659.276.923	101.500.000
Ông Nguyễn Anh Đĩnh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày ngày 25 tháng 8 năm 2025)	586.300.000	-
Ông Đào Mạnh Duy	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày ngày 25 tháng 8 năm 2025)	226.600.000	197.511.538
Bà Cao Thị Hồng	Giám đốc Marketing và truyền thông (đến ngày 04 tháng 5 năm 2024)	-	128.844.615
Kế toán trưởng			
Nguyễn Thị Thu Thủy	Kế toán trưởng	222.977.865	152.352.085
Ban Kiểm soát			
Ông Vũ Vinh Quang	Trưởng Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2025)	340.350.000	-
Ông Nguyễn Văn Chuân	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2025)	161.586.364	115.015.326
Bà Lê Thị Ánh Hằng	Trưởng Ban kiểm soát (đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)		113.000.000
Ông Đặng Đức Huân	Thành viên Ban kiểm soát (đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)	48.000.000	52.000.000
Ông Phạm Vĩnh Hưng	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2025)	48.000.000	-
		7.016.527.516	2.956.010.915

27. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty phải trả mức tiền thuê tối thiểu cho các hợp đồng thuê tài sản trong tương lai như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Từ 1 năm trở xuống	1.480.114.885	7.480.114.885
Trên 1 năm đến 5 năm	5.920.459.538	37.920.459.538
Trên 5 năm	58.965.651.681	211.699.626.460
	56.366.226.104	257.100.200.883

Các khoản cam kết thuê hoạt động của Công ty chủ yếu bao gồm các hợp đồng thuê sau:

- Hợp đồng thuê 2.240 m² đất và tài sản gắn liền với đất là tòa nhà làm việc và Trung tâm kiểm tra Dược - Mỹ phẩm tại phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên (trước đây là phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) với thời hạn thuê 30 năm tính từ năm 2024.
- Hợp đồng thuê 7.761.3 m² đất tại phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên (trước đây là phường Đồng Quang, Thành phố Thái Nguyên) với thời hạn thuê 41 năm tính từ năm 2022.
- Hợp đồng thuê 544.3 m² đất tại phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên (trước đây là phường Đồng Quang, Thành phố Thái Nguyên) với thời hạn thuê 40 năm tính từ năm 2022.

Cam kết vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tổng giá trị các hợp đồng liên quan đến việc đầu tư xây dựng dự án Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn 3, Dự án Đầu tư Xây dựng Bệnh viện Ung Bướu Đà Nẵng của Công ty và dự án xây dựng bệnh viện TNH Lạng Sơn của Công ty Cổ phần TNH Lạng Sơn – công ty con của Công ty đã ký nhưng chưa nghiệm thu bàn giao là lần lượt khoảng 189,5 tỷ VND và 179,1 tỷ VND (tại 31 tháng 12 năm 2024: 15,6 tỷ VND và 427,8 tỷ VND).

Bảo lãnh

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty đã đứng ra bảo lãnh cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Bệnh viện TNH Lạng Sơn (“TNH Lạng Sơn”) - công ty con của Công ty, tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Nguyên. Công ty cũng thế chấp 27.462.500 cổ phần của Công ty tại TNH Lạng Sơn, tương ứng 274.625.000.000 VND để bảo lãnh cho nghĩa vụ thanh toán, trả nợ này tại ngân hàng như trình bày tại thuyết minh số 01 và số 16.

28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác trong kỳ không bao gồm 7.273.741.065 VND (kỳ trước: 8.931.871.057 VND) là số tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần Tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm 209.024.862.131 VND (kỳ trước: 249.287.254.293 VND) là số tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định đã được trả trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần Tăng, giảm các khoản phải thu.

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 565/2025/NQ-HDQT ngày 21 tháng 8 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 21.619.990 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, tổng giá trị phát hành là 216.199.900.000 VND.
- Nguồn vốn phát hành: nguồn thặng dư vốn cổ phần tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 trên Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty.
- Thời gian thực hiện dự kiến: Quý 3 năm 2025.


Lưu Thị Hải Yến
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng


Lê Xuân Tân
Tổng Giám đốc


Hoàng Tuyên
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 28 tháng 8 năm 2025